

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023

V/v Tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Ông Phùng Văn Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

**Bị đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 19/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và Nguyễn Văn K tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh K không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 25/12/1997 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 01/3/2013. Cháu T đã thành niên chị không yêu cầu, chị yêu cầu nuôi cháu D, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 14/3/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Nay anh đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý giao con chung Nguyễn Thanh D cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thoả thuận, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh K, yêu cầu được nuôi cháu D, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn với anh K, giao con Nguyễn Thanh D cho chị H nuôi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn K tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 312 ngày 26/7/2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị H trình bày là do vợ chồng tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và anh K cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị H, không có thiện chí đoàn tụ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 25/12/1997 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 01/3/2013. Xét cháu T đã thành niên, chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu D hiện đang sống với chị H, chị H yêu cầu được nuôi cháu D và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu D cần để chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao con tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 01/3/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021325 ngày 09/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, chị H đã nộp xong án phí.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hà

